

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-34
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700688013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Toàn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/04/2022
Ông Thảm Hồng Sơn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2022
Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2022
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Toàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Thanh Thùy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/04/2022
Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24/04/2022
Bà Dương Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2022
Bà Phạm Thị Hoa	Thành viên	
Bà Trần Thị Kiều Oanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 07 năm 2022

Số: 050822.005/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được lập ngày 29 tháng 07 năm 2022, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 4,42 tỷ đồng, lỗ lũy kế làm chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu âm 26,83 tỷ đồng. Những dấu hiệu này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.220.468.384	10.979.879.482
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.564.207.609	2.363.679.082
111	1. Tiền		3.564.207.609	1.356.175.522
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	1.007.503.560
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.786.334.418	7.587.603.111
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	9.016.933.134	9.961.734.017
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		61.200.000	655.418.621
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	944.024.192	1.206.273.381
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.235.822.908)	(4.235.822.908)
140	IV. Hàng tồn kho	8	436.523.103	530.829.668
141	1. Hàng tồn kho		436.523.103	530.829.668
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		433.403.254	497.767.621
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	433.403.254	370.652.039
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	118.257.358
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	8.858.224
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		34.371.751.868	34.493.650.037
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.680.400.000	3.680.400.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	3.680.400.000	3.680.400.000
220	II. Tài sản cố định		1.735.713.114	1.807.326.522
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.545.564.450	1.807.326.522
222	- Nguyên giá		18.440.666.223	18.440.666.223
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.895.101.773)	(16.633.339.701)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	190.148.664	-
228	- Nguyên giá		269.996.000	71.580.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(79.847.336)	(71.580.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	28.292.110.485	28.679.673.639
231	- Nguyên giá		36.430.936.788	36.430.936.788
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.138.826.303)	(7.751.263.149)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		300.000.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	300.000.000	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	-	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		473.212.674.000	473.212.674.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(473.212.674.000)	(473.212.674.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		363.528.269	326.249.876
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	363.528.269	326.249.876
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		47.592.220.252	45.473.529.519

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		74.422.183.941	75.231.720.446
310	I. Nợ ngắn hạn		17.645.168.975	17.624.231.060
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	12.530.374.714	12.491.474.234
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.577.609.032	1.516.857.898
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	419.769.756	129.647.112
314	4. Phải trả người lao động		579.444.293	999.652.456
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	544.069.585	624.716.130
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	1.660.948.840	1.660.948.776
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	331.231.463	199.213.162
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.721.292	1.721.292
330	II. Nợ dài hạn		56.777.014.966	57.607.489.386
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	15.167.333.302	15.167.333.302
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	38.963.681.664	39.794.156.084
337	3. Phải trả dài hạn khác	19	2.646.000.000	2.646.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(26.829.963.689)	(29.758.190.927)
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	(26.829.963.689)	(29.758.190.927)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		365.050.000.000	365.050.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		365.050.000.000	365.050.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		11.500.000.000	11.500.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.340.736.096	2.340.736.096
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		163.000.000	163.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(405.883.699.785)	(408.811.927.023)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(408.811.927.023)	(407.960.749.591)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		2.928.227.238	(851.177.432)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		47.592.220.252	45.473.529.519

Phạm Thị Vân
Người lập

Phan Thị Liên
Trưởng phòng Tài chính
- kế toán



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	30.308.519.518	19.255.420.140
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.308.519.518	19.255.420.140
11	4. Giá vốn hàng bán	23	23.656.279.314	18.059.413.715
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.652.240.204	1.196.006.425
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	59.095.743	1.385.957
22	7. Chi phí tài chính		-	30.886.887
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3.315.297.074	2.674.632.704
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.396.038.873	(1.508.127.209)
31	11. Thu nhập khác		-	775.828.031
32	12. Chi phí khác		10.943.197	76.716.494
40	13. Lợi nhuận khác		(10.943.197)	699.111.537
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.385.095.676	(809.015.672)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	456.868.438	88.582.246
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.928.227.238</u>	<u>(897.597.918)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	80	(25)

Phạm Thị Vân
Người lập

Phan Thị Liên
Trưởng phòng Tài chính - kế toán



Phạm Văn Toán
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.385.095.676	(809.015.672)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		657.592.562	703.340.815
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(25.236.254)	27.003
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(31.105.121)	(304.556.866)
06	- Chi phí lãi vay		-	30.845.126
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.986.346.863	(379.359.594)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.827.431.303	3.692.680.208
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		94.306.565	(222.015.711)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.121.091.704)	(1.847.865.872)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(100.029.608)	(170.604.109)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(30.845.126)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(136.455.015)	(141.731.594)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.550.508.404	900.258.202
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(399.208.000)	(1.063.934.545)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	303.170.909
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		28.254.869	1.385.957
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(370.953.131)	(759.377.679)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	1.568.760.422
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(951.260.422)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	617.500.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.179.555.273	758.380.523
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.363.679.082	1.607.608.690
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		20.973.254	(27.003)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>6.564.207.609</u>	<u>2.365.962.210</u>

Phạm Thị Vân
Người lập

Phan Thị Liên
Trưởng phòng Tài chính
- kế toán



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 07 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700688013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 365.050.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 365.050.000.000 đồng; tương đương 36.505.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 37 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 38 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ cảng biển, dịch vụ hàng hải và cho thuê bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 4,42 tỷ đồng, lỗ lũy kế làm chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu âm 26,83 tỷ đồng. Những dấu hiệu này cho thấy có yếu tố có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, khoản lỗ lũy kế này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-ơ Quốc tế Cái Lân (CICT). Ban Tổng giám đốc Công ty tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường và cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, do có thêm dịch vụ cung cấp nhân sự quản lý và các dịch vụ hỗ trợ đối với Công ty TNHH Cảng Công-ten-ơ Quốc tế Cái Lân nên doanh thu và giá vốn của Công ty kỳ này tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, chi tiết tại các Thuyết minh số 22 và 23.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty liên doanh được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ."

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm
- Phần mềm kế toán	03 - 05 năm

2.10 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	47 năm
- Quyền sử dụng đất	47 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí tiền thuê đất... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm cho thuê bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	105.982.232	263.360.306
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.458.225.377	1.092.815.216
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	1.007.503.560
	<u>6.564.207.609</u>	<u>2.363.679.082</u>

Tại ngày 30/06/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 3.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long với lãi suất 3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

4 . ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT)	473.212.674.000	(473.212.674.000)	473.212.674.000	(473.212.674.000)
	473.212.674.000	(473.212.674.000)	473.212.674.000	(473.212.674.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh của Công ty vào ngày 30/06/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT)	Quảng Ninh	50,08%	50,08%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) do lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2022 của CICT đã vượt quá Vốn chủ sở hữu của công ty này.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh trong năm: Xem thuyết minh số 32.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	4.124.126.331	(3.920.439.600)	3.920.439.600	(3.920.439.600)
Công ty TNHH MTV Năng Lượng An Việt Phát	2.249.638.122	-	1.949.758.013	-
Phải thu khách hàng khác	2.643.168.681	(315.383.308)	4.091.536.404	(315.383.308)
	9.016.933.134	(4.235.822.908)	9.961.734.017	(4.235.822.908)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	4.239.181.971	(3.920.439.600)	3.920.439.600	(3.920.439.600)

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)***6 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	4.931.506	-	2.081.254	-
Tạm ứng	287.685.800	-	479.699.973	-
Ký cược, ký quỹ	118.488.186	-	65.570.000	-
Thuế GTGT chưa đủ điều kiện khấu trừ năm 2017, 2018	371.914.000	-	371.914.000	-
Phải thu khác	161.004.700	-	287.008.154	-
	944.024.192	-	1.206.273.381	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	3.680.400.000	-	3.680.400.000	-
	3.680.400.000	-	3.680.400.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	3.694.322.700	-	3.811.182.760	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

7 . NỢ XẤU

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất dăm gỗ TMT	170.810.966	-	170.810.966	-
- Công ty TNHH Hoàng Lâm Hạ Long	70.408.525	-	70.408.525	-
- Công ty Cổ phần Luyện cán thép Sóc Sơn	74.163.817	-	74.163.817	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	3.920.439.600	-	3.920.439.600	-
	4.235.822.908	-	4.235.822.908	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	192.682.874	-	90.201.068	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	243.840.229	-	440.628.600	-
	436.523.103	-	530.829.668	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	300.000.000	-
Mua sắm 6 container rộng 20 feet	300.000.000	-
	300.000.000	-

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	608.800.000	16.965.846.223	212.276.000	653.744.000	18.440.666.223
Số dư cuối kỳ	608.800.000	16.965.846.223	212.276.000	653.744.000	18.440.666.223
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	374.690.933	15.616.694.246	212.276.000	429.678.522	16.633.339.701
- Khấu hao trong kỳ	29.646.378	150.397.722	-	81.717.972	261.762.072
Số dư cuối kỳ	404.337.311	15.767.091.968	212.276.000	511.396.494	16.895.101.773
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	234.109.067	1.349.151.977	-	224.065.478	1.807.326.522
Tại ngày cuối kỳ	204.462.689	1.198.754.255	-	142.347.506	1.545.564.450

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.705.131.315 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	71.580.000
- Mua trong kỳ	198.416.000
Số dư cuối kỳ	269.996.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	71.580.000
- Khấu hao trong kỳ	8.267.336
Số dư cuối kỳ	79.847.336
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối kỳ	190.148.664

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 71.580.000 đồng.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	33.623.389.808	2.807.546.980	36.430.936.788
Số dư cuối kỳ	33.623.389.808	2.807.546.980	36.430.936.788
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.153.912.729	597.350.420	7.751.263.149
- Khấu hao trong kỳ	357.695.634	29.867.520	387.563.154
Số dư cuối kỳ	7.511.608.363	627.217.940	8.138.826.303
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	26.469.477.079	2.210.196.560	28.679.673.639
Tại ngày cuối kỳ	26.111.781.445	2.180.329.040	28.292.110.485

Toàn bộ bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng trên đất của khu đất có diện tích 2,3 hecta tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE326903 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/12/2011. Thời hạn sử dụng đến ngày 31/08/2061.

Trong kỳ, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 830.474.388 đồng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	143.673.487	116.781.524
Chi phí bảo hiểm	91.106.946	125.085.237
Chi phí sửa chữa tài sản	85.929.161	81.862.083
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	112.693.660	46.923.195
	433.403.254	370.652.039
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	183.380.385	80.265.204
Chi phí biên quảng cáo	36.666.669	56.666.667
Chi phí sửa chữa tài sản đi thuê	97.395.144	127.360.188
Chi phí trả trước dài hạn khác	46.086.071	61.957.817
	363.528.269	326.249.876

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Ban Quản lý dự án Hàng hải 2	6.665.333.000	6.665.333.000	6.665.333.000	6.665.333.000
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	3.120.439.600	3.120.439.600	3.520.439.600	3.520.439.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Du lịch và Thương mại Thẩm Gia	533.576.000	533.576.000	1.287.000.000	1.287.000.000
Phải trả các đối tượng khác	2.211.026.114	2.211.026.114	1.018.701.634	1.018.701.634
	12.530.374.714	12.530.374.714	12.491.474.234	12.491.474.234
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	4.813.500.963	4.813.500.963	4.961.351.600	4.961.351.600

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)***15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Vinh Hưng	1.432.526.728	1.432.526.728
Công ty TNHH Hào Hưng Long An	84.331.170	84.331.170
Công ty TNHH MORRIS SHIPPING VN	60.751.134	-
	1.577.609.032	1.516.857.898

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	682.773.326	660.872.564	-	21.900.762
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.858.224	-	456.868.438	136.455.015	-	311.555.199
Thuế Thu nhập cá nhân	-	129.647.112	417.189.999	460.523.316	-	86.313.795
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	107.333.340	107.333.340	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.943.181	5.943.181	-	-
	8.858.224	129.647.112	1.673.108.284	1.374.127.416	-	419.769.756

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Thuế nhà đất phải trả (*)	334.846.020	428.256.660
- Chi phí phải trả khác	209.223.565	196.459.470
	544.069.585	624.716.130
b) Chi phí phải trả dài hạn		
- Thuế nhà đất phải trả (*)	15.167.333.302	15.167.333.302
	15.167.333.302	15.167.333.302
c) Trong đó: Chi phí phải trả với bên liên quan	90.938.244	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

(*) Tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các bên số 2, 3, 4 của Cảng Cái Lân, tỉnh Quảng Ninh với tổng diện tích đất được giao là 155.684,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH893370 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/07/2008. Thời gian sử dụng từ năm 2008 đến tháng 5/2058. Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) bằng quyền sử dụng đất này.

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Cho thuê mặt bằng 2,3 ha	1.660.948.840	1.660.948.776
	1.660.948.840	1.660.948.776
b) Dài hạn		
- Cho thuê mặt bằng 2,3 ha	38.963.681.664	39.794.156.084
	38.963.681.664	39.794.156.084
c) Trong đó: Doanh thu chưa thực hiện với bên liên quan	40.706.630.504	41.455.104.860

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)***19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	57.708.120	57.464.974
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	139.625.000	139.625.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	133.898.343	2.123.188
	331.231.463	199.213.162
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.646.000.000	2.646.000.000
	2.646.000.000	2.646.000.000
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	82.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(407.960.749.591)	(28.907.013.495)
Lỗi trong kỳ trước	-	-	-	-	(897.597.918)	(897.597.918)
Số dư cuối kỳ trước	<u>365.050.000.000</u>	<u>11.500.000.000</u>	<u>2.340.736.096</u>	<u>163.000.000</u>	<u>(408.858.347.509)</u>	<u>(29.804.611.413)</u>
Số dư đầu năm nay	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(408.811.927.023)	(29.758.190.927)
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	2.928.227.238	2.928.227.238
Số dư cuối kỳ này	<u>365.050.000.000</u>	<u>11.500.000.000</u>	<u>2.340.736.096</u>	<u>163.000.000</u>	<u>(405.883.699.785)</u>	<u>(26.829.963.689)</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	206.550.000.000	56,58%	206.550.000.000	56,58%
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	29.709.990.000	8,14%	29.709.990.000	8,14%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	18.000.000.000	4,93%	18.000.000.000	4,93%
Các cổ đông khác	110.790.010.000	30,35%	110.790.010.000	30,35%
	<u>365.050.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>365.050.000.000</u>	<u>100%</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2022	2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	365.050.000.000	365.050.000.000
- Vốn góp đầu năm	365.050.000.000	365.050.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	365.050.000.000	365.050.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	139.625.000	139.625.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	139.625.000	139.625.000
d) Cổ phiếu	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.505.000	36.505.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	36.505.000	36.505.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.505.000	36.505.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.505.000	36.505.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.505.000	36.505.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	163.000.000	163.000.000
	2.503.736.096	2.503.736.096

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê tài sản là văn phòng, kho bãi theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	9.652.800.000	8.602.160.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	22.819.200.000	25.003.200.000
- Trên 5 năm	-	1.285.200.000
	32.472.000.000	34.890.560.000

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	48.212,05	369,95

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ hàng hải	29.478.045.130	18.424.945.752
Doanh thu cho thuê bất động sản	830.474.388	830.474.388
	30.308.519.518	19.255.420.140
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	12.057.743.055	143.889.700

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ hàng hải	23.268.716.160	17.671.850.561
Giá vốn cho thuê bất động sản	387.563.154	387.563.154
	23.656.279.314	18.059.413.715
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	11.384.947.178	4.529.588.517

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	31.105.121	1.385.957
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.754.368	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	25.236.254	-
	59.095.743	1.385.957

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	67.718.895	54.801.173
Chi phí nhân công	1.808.963.645	1.605.179.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.464.068	44.330.605
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	512.893.808	560.277.509
Chi phí khác bằng tiền	861.256.658	407.043.748
	3.315.297.074	2.674.632.704
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	289.168.000	279.840.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÀNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.942.184.442	(1.251.926.906)
Các khoản điều chỉnh tăng	306.581.197	149.943.497
- Chi phí không hợp lệ	306.581.197	149.916.494
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	27.003
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.407.334.656)	1.101.983.409
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(25.236.254)	1.101.983.409
- Chuyển lỗ các năm trước	(1.382.098.402)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.841.430.983	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	368.286.197	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của hoạt động kinh doanh chính	368.286.197	-
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	442.911.234	442.911.234
Thu nhập tính thuế TNDN	442.911.234	442.911.234
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	88.582.241	88.582.246
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(8.858.224)	124.015.145
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(136.455.015)	(141.731.594)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD bất động sản	(56.730.998)	70.865.797
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	456.868.438	88.582.246
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	311.555.199	70.865.797

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.928.227.238	(897.597.918)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.928.227.238	(897.597.918)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.505.000	36.505.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	(25)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.184.895.159	2.266.477.240
Chi phí nhân công	6.307.790.110	4.126.731.083
Chi phí khấu hao tài sản cố định	657.592.562	703.340.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.579.263.377	12.962.872.990
Chi phí khác bằng tiền	1.045.246.809	892.008.991
	26.774.788.017	20.951.431.119

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.564.207.609	-	2.363.679.082	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.641.357.326	(4.235.822.908)	14.848.407.398	(4.235.822.908)
	20.205.564.935	(4.235.822.908)	17.212.086.480	(4.235.822.908)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	15.507.606.177	15.336.687.396
Chi phí phải trả	15.711.402.887	15.792.049.432
	31.219.009.064	31.128.736.828

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.564.207.609	-	-	6.564.207.609
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.725.134.418	3.680.400.000	-	9.405.534.418
	12.289.342.027	3.680.400.000	-	15.969.742.027
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.363.679.082	-	-	2.363.679.082
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.932.184.490	3.680.400.000	-	10.612.584.490
	9.295.863.572	3.680.400.000	-	12.976.263.572

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	12.861.606.177	2.646.000.000	-	15.507.606.177
Chi phí phải trả	544.069.585	1.339.384.080	13.827.949.222	15.711.402.887
	13.405.675.762	3.985.384.080	13.827.949.222	31.219.009.064
Tại ngày 01/01/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	12.690.687.396	2.646.000.000	-	15.336.687.396
Chi phí phải trả	624.716.130	1.713.026.640	13.454.306.662	15.792.049.432
	13.315.403.526	4.359.026.640	13.454.306.662	31.128.736.828

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Dịch vụ và hàng hải	Cho thuê bất động sản	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	29.478.045.130	830.474.388	30.308.519.518
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.209.328.970	442.911.234	6.652.240.204
Tổng chi phí mua TSCĐ bộ phận	300.000.000	-	300.000.000
Tổng chi phí mua TSCĐ không phân bổ			198.416.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	11.687.621.971	28.292.110.485	39.979.732.456
Tài sản không phân bổ			7.612.487.796
Tổng tài sản	11.687.621.971	28.292.110.485	47.592.220.252
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	10.088.650.746	47.289.963.504	57.378.614.250
Nợ phải trả không phân bổ			17.043.569.691
Tổng nợ phải trả	10.088.650.746	47.289.963.504	74.422.183.941

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là Phó Tổng Giám đốc của Công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thẩm Gia	Ông Thẩm Hồng Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là Giám đốc của Công ty này
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Mua vào dịch vụ	11.674.115.178	4.809.428.517
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	290.532.400	291.637.000
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	4.450.453.783	4.517.791.517
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thẩm Gia	2.539.285.800	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	4.393.843.195	-
Cung cấp dịch vụ	12.057.743.055	143.889.700
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	1.106.351.230	143.889.700
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	10.585.848.825	-
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	283.110.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	82.433.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.239.181.971	3.920.439.600
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	4.124.126.331	3.920.439.600
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	26.028.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	89.027.640	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	495.010.621
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	-	495.010.621

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khác	3.694.322.700	3.811.182.760
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	-	30.000.000
Ông Đỗ Tuấn Hiền	-	40.585.973
Ông Nguyễn Bá Sơn	-	60.196.787
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	13.922.700	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thầm Gia	3.680.400.000	3.680.400.000
Phải trả người bán ngắn hạn	4.813.500.963	4.961.351.600
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	164.172.800	153.912.000
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	3.120.439.600	3.520.439.600
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thầm Gia	533.576.000	1.287.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	194.665.144	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	800.647.419	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	90.938.244	90.938.244
Ông Nguyễn Bá Sơn	90.938.244	-
Doanh thu chưa thực hiện	40.706.630.504	41.455.104.860
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	40.624.630.504	41.455.104.860
Phải trả ngắn hạn khác	82.000.000	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	82.000.000	-



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	250.948.067	190.402.908
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.222.662.556	334.035.180

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét.

Phạm Thị Vân
Người lập

Phan Thị Liên
Trưởng phòng Tài chính - kế toán



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 07 năm 2022